

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm

SỐ TƯ PHÁP HẢI PHÒNG /2013/QĐ-UBND

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 435

Ngày 1 tháng 2 năm 2013

1/ Bản chính: P. TP & KT

2/ Bản chụp: P. VB

3/ Ý kiến chỉ đạo: Kiên tu

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý và bảo vệ công trình cấp nước tại Hải Phòng.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 117/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 1741/SXD-QLHTKT ngày 09/11/2012 và Công văn số 112/SXD-QLHTKTĐT ngày 17/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý và bảo vệ công trình cấp nước tại Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký thay thế Quyết định số 1490/2005/QĐ-UB ngày 07/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về mua bán, sử dụng nước máy; quản lý bảo vệ công trình cấp nước tại Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

chính, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP;
- Bộ XD;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư Pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu QHHP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Sở TP;
- VPTU;
- VP ĐTBQH&HĐ ND TP;
- CPV, PCVP;
- Các Phòng CV;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Dương Anh Điền
Dương Anh Điền

QUY ĐỊNH

Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý và bảo vệ công trình cấp nước tại Hải Phòng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247../2013/QĐ-UB ngày 29 tháng 01 năm 2013
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về các hoạt động trong việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý và bảo vệ công trình cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn thành phố Hải Phòng liên quan đến hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Điều 2. Nguyên tắc chung về hoạt động cấp nước trên địa bàn thành phố

1. Việc cung cấp và tiêu thụ nước sạch phải đúng mục đích, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chất lượng nước cung cấp cho các mục đích tiêu thụ nước trên địa bàn thành phố phải phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật do nhà nước quy định.

3. Khuyến khích các thành phần kinh tế, cộng đồng xã hội tham gia đầu tư phát triển, quản lý hoạt động cấp nước.

4. Mọi tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cấp nước.

Chương II QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CẤP NƯỚC

Điều 3. Quy hoạch cấp nước

1. Quy hoạch cấp nước vùng thực hiện theo mục 1 và mục 2, Chương II của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Quy hoạch cấp nước đô thị thực hiện theo mục 1 và mục 3, Chương II của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 4. Đầu tư phát triển cấp nước

Thực hiện theo Chương III của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và thực hiện theo quy định sau:

1. Sở Xây dựng thực hiện chủ trì thẩm định, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt:

a) Chủ trương đầu tư phát triển cấp nước đô thị;

b) Chủ đầu tư để đầu tư phát triển cấp nước phục vụ cấp nước cho một vùng hoặc nhiều vùng trên địa bàn thành phố theo quy hoạch cấp nước được duyệt, quy định về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành khác của nhà nước;

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chủ trì thẩm định, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt:

a) Chủ trương đầu tư phát triển cấp nước nông thôn;

b) Chủ đầu tư để đầu tư phát triển cấp nước phục vụ cấp nước nông thôn theo quy hoạch cấp nước được duyệt, quy định về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành khác của nhà nước;

3. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đăng ký làm chủ đầu tư các dự án đầu tư phát triển cấp nước và thực hiện dịch vụ cấp nước.

4. Đối với các đơn vị cấp nước của nhà nước phải ưu tiên tập trung nguồn vốn đầu tư cấp nước các khu đô thị, các khu, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, siêu thị.

Chương III

CUNG CẤP VÀ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

Mục 1

ĐẤU NÓI VÀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Điều 5. Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Việc cung cấp và tiêu thụ nước sạch thực hiện theo hợp đồng dịch vụ cấp nước được ký kết giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước.

2. Đơn vị cấp nước soạn thảo các hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành theo Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành để áp dụng với các khách hàng thuộc phạm vi cấp nước của mình.

Điều 6. Thỏa thuận đấu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Khách hàng sử dụng nước trong vùng phục vụ cấp nước của đơn vị cấp nước được thỏa thuận đấu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước theo quy định tại các điều 42, 43 Nghị định 117/2007/NĐ-CP và Nghị định 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp khách hàng sử dụng nước đã có hợp đồng dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước nhưng đã chấm dứt và hủy bỏ đấu nối thì có thể được thỏa thuận đấu nối, ký hợp đồng dịch vụ cấp nước mới khi đã giải quyết xong các vướng mắc của hợp đồng cũ với đơn vị cấp nước.

3. Khách hàng nằm ngoài vùng phục vụ cấp nước sẽ được thỏa thuận đấu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước sau khi đơn vị cấp nước xây dựng mạng cấp III theo

kế hoạch phát triển cấp nước hoặc theo thỏa thuận giữa khách hàng và đơn vị cấp nước đảm bảo quyền lợi của các bên. Khi chưa có mạng cấp III, tập thể nhiều hộ khách hàng có thể mua nước sạch chung qua một điểm đầu nối và một đồng hồ đo nước (đồng hồ tổng).

Điều 7. Vị trí thiết lập điểm đầu nối, lắp đặt đồng hồ đo nước

1. Tại một địa điểm đề nghị cung cấp dịch vụ cấp nước của khách hàng được thiết lập một điểm đầu nối và một đồng hồ đo nước, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa khách hàng và đơn vị cấp nước. Vị trí điểm đầu nối và đồng hồ đo nước theo quy định tại các Điều 39, 41 của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với việc kiểm tra, ghi đọc đồng hồ của đơn vị cấp nước cùng việc bảo quản, sử dụng của khách hàng.

2. Trường hợp không có vị trí phù hợp để đặt điểm đầu nối và đồng hồ đo nước, khách hàng có thể thỏa thuận với các hộ liền kề để đặt nhờ và phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ điểm đầu nối, đồng hồ đo nước đó, tạo điều kiện cho đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra, ghi đọc đồng hồ.

3. Đối với khu nhà cao tầng có hệ thống cấp nước cục bộ đến từng hộ, đơn vị quản lý khu nhà ký hợp đồng dịch vụ cấp nước qua đồng hồ chung được đặt sát chỉ giới đất của khu nhà với đơn vị cấp nước, nếu chưa có hệ thống cấp nước cục bộ thì từng hộ có thể được đầu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước riêng nhưng điểm đầu nối và đồng hồ đo nước được đặt tại vị trí phù hợp với điều kiện cấp nước tại khu vực đó.

Điều 8. Chất lượng dịch vụ cấp nước tại điểm đầu nối

Đơn vị cấp nước đảm bảo chất lượng dịch vụ cấp nước cung cấp cho khách hàng tại điểm đầu nối như sau:

1. Chất lượng nước sạch tại điểm đầu nối theo quy chuẩn kỹ thuật của Nhà nước.
2. Áp lực nước tối thiểu cần thiết tại các điểm cuối của mạng lưới cấp nước chính từ 15 m cột nước trở lên và tại các điểm đầu nối là 10 m cột nước trở lên.
3. Thời gian cấp nước trong điều kiện bình thường là 24 giờ/ngày, khu vực khó khăn về nguồn nước, mạng lưới cấp nước thì tối thiểu là 12 giờ/ngày.

Điều 9. Di chuyển vị trí điểm đầu nối, đường ống và đồng hồ đo nước

1. Khi khách hàng xây dựng hoặc cải tạo nhà ở, trụ sở, nhà xưởng hoặc các công trình khác làm vị trí hiện thời của điểm đầu nối, đường ống và đồng hồ đo nước không thuận lợi cho việc kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng, ghi đọc của đơn vị cấp nước thì phải di chuyển điểm đầu nối, đường ống, đồng hồ đo nước sang vị trí phù hợp. Việc di chuyển do đơn vị cấp nước thực hiện, khách hàng thanh toán chi phí di chuyển cho đơn vị cấp nước.

2. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi mặt bằng tại khu vực đặt điểm đầu nối, đường ống và đồng hồ đo nước của khách hàng, đơn vị cấp nước thực hiện việc di chuyển, chi phí di chuyển được cơ quan ra quyết định giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mục 2

SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

Điều 10. Đo đếm lượng nước sử dụng

1. Đơn vị cấp nước đảm bảo các đồng hồ đo nước phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và được kiểm định, niêm phong trước khi lắp đặt.

2. Lượng nước đã sử dụng là chênh lệch chỉ số mét khối trên đồng hồ của lần ghi đọc hiện thời với lần ghi đọc liền trước đó. Nếu khách hàng có nhiều mục đích sử dụng nước có mức giá khác nhau qua một đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng cho từng mục đích được tính theo tỷ lệ phù hợp do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định.

Điều 11. Ghi đọc đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước tổ chức việc ghi đọc đồng hồ định kỳ hàng tháng để xác định lượng nước khách hàng đã sử dụng, thông báo lịch ghi đọc đồng hồ đo nước và thông báo lượng nước đã sử dụng cho khách hàng biết.

2. Khách hàng sử dụng nước phải tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị cấp nước thực hiện ghi đọc đồng hồ đo nước theo lịch đã thông báo và khắc phục các yếu tố gây cản trở, khó khăn để ghi đọc đồng hồ theo thông báo của đơn vị cấp nước.

Điều 12. Giá nước sạch và thanh toán tiền nước

1. Giá nước sạch thực hiện theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố. Khi thay đổi giá bán lẻ nước sạch, đơn vị cấp nước thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức thực hiện. Giá bán buôn nước sạch áp dụng khi đơn vị cấp nước bán buôn nước sạch cho các tổ chức, cá nhân hoặc các đơn vị cấp nước khác để bán lẻ nước sạch do các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị cấp nước thu tiền nước của khách hàng định kỳ hàng tháng. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời hạn.

3. Trường hợp khách hàng có yêu cầu xem xét lại về số tiền nước phải thanh toán do nghi ngờ ghi đọc đồng hồ sai, đồng hồ không chính xác hoặc tính giá nước không đúng thì trong khi chờ giải quyết vẫn phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền nước theo hóa đơn được phát hành. Đơn vị cấp nước sau khi kiểm tra, xác minh, nếu khiếu nại là đúng thì đơn vị cấp nước tính toán lại số tiền nước của khách hàng và điều chỉnh lại trong lần thanh toán tiếp theo, nếu xác định do đồng hồ không chính xác thì đơn vị cấp nước làm thủ tục thay thế đồng hồ theo quy định.

4. Trước khi hết thời hạn thanh toán tiền nước theo hợp đồng, đơn vị cấp nước có thể chấp thuận cho khách hàng được lùi ngày trả tiền nước mà vẫn cấp nước nếu khách hàng có đề nghị chậm thanh toán bằng văn bản và có lý do chính đáng.

Điều 13. Đường ống sau đồng hồ

1. Khách hàng chịu trách nhiệm lắp đặt, sửa chữa đường ống dẫn nước sau đồng hồ và chịu các thiệt hại do rò rỉ, thất thoát trong quá trình sử dụng.

2. Đường ống dẫn nước sau đồng hồ của khách hàng phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 42, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Không đấu nối với đường ống của nguồn nước do đơn vị cấp nước khác cung cấp hoặc của các nguồn nước giếng khoan, ao, hồ.

c) Không sử dụng các chủng loại vật tư, thiết bị có thể gây nhiễm độc.

d) Không lắp đặt vào các vị trí có khả năng gây ô nhiễm vào nguồn nước sạch.

Điều 14. Kiểm định lại đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện bảo dưỡng, kiểm định lại định kỳ đồng hồ đo nước theo yêu cầu và thời hạn do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường quy định.

2. Đồng hồ đo nước được kiểm định bất thường trong các trường hợp sau:

a) Do khách hàng yêu cầu khi nghi ngờ về tính chính xác của đồng hồ đo nước. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm giải quyết yêu cầu của khách hàng theo quy định tại khoản 3 điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ .

b) Do đơn vị cấp nước yêu cầu khi đồng hồ kẹt, hư hỏng (bẹp, vỡ, cháy), chỉ niêm phong không còn nguyên vẹn hoặc có dấu hiệu không bình thường khác. Khách hàng phải phối hợp với đơn vị cấp nước để kiểm định đồng hồ khi có yêu cầu.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về đo lường.

3. Việc kiểm định lại đồng hồ được thực hiện tại tổ chức kiểm định có thẩm quyền hoặc được ủy quyền. Trong thời gian tháo đồng hồ để kiểm định lại, việc cấp nước do hai bên thỏa thuận.

4. Trường hợp tại điểm a, khoản 2 điều này, nếu kết quả kiểm định xác định đồng hồ phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam thì khách hàng phải chịu chi phí kiểm định, nếu xác định đồng hồ không đạt Tiêu chuẩn thì đơn vị cấp nước phải chịu chi phí kiểm định, thay thế đồng hồ mới cho khách hàng. Đơn vị cấp nước phải tính lại tiền nước của khách hàng trong tháng liền trước nếu đồng hồ chạy nhanh vượt quá giới hạn sai số cho phép và hoàn trả khoản tiền nước thu thừa (nếu có).

5. Trường hợp tại điểm b, khoản 2, điều này, nếu kết quả kiểm định xác định đồng hồ vẫn phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam, tình trạng kỹ thuật đảm bảo thì đơn vị cấp nước phải chịu chi phí kiểm định đồng hồ.

a) Nếu xác định đồng hồ hư hỏng do lỗi kỹ thuật hoặc do đơn vị cấp nước gây ra thì đơn vị cấp nước chịu chi phí kiểm định, thay thế đồng hồ mới cho khách hàng, tính lại tiền nước của khách hàng trong tháng liền trước nếu đồng hồ chạy nhanh vượt quá giới hạn sai số cho phép và hoàn trả khoản tiền nước thu thừa nếu có.

b) Nếu các định đồng hồ hư hỏng do khách hàng gây ra hoặc không thực hiện đúng các quy định về bảo quản, sử dụng đồng hồ thì khách hàng chịu chi phí kiểm định và thay thế đồng hồ; đơn vị cấp nước được tính thêm lượng nước đã sử dụng của khách hàng tương ứng với sai lệch do đồng hồ chạy chậm vượt quá giới hạn sai số cho phép.

c) Nếu đồng hồ bị kẹt hoặc hư hỏng hoàn toàn không báo chỉ số và không kiểm định được thì lượng nước sử dụng xác định theo thỏa thuận giữa khách hàng và đơn vị cấp nước.

Điều 15. Sửa chữa, thay thế đường ống, đồng hồ đo nước

1. Khi phát hiện các hư hỏng đường ống, đồng hồ đo nước hoặc các phụ tùng đầu nối liên quan, khách hàng phải thông báo ngay cho bộ phận quản lý tại địa bàn của đơn vị cấp nước để sửa chữa, thay thế. Chi phí sửa chữa, thay thế do khách hàng thanh toán cho đơn vị cấp nước nếu do khách hàng làm hỏng, các trường hợp sửa chữa, thay thế khác do đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm.

2. Trường hợp mức sử dụng thực tế của khách hàng không phù hợp với điều kiện đo đếm của cỡ đồng hồ đo nước được lắp đặt thì đơn vị cấp nước có quyền yêu cầu thay đồng hồ đo nước khác có cỡ phù hợp và thu hồi đồng hồ cũ, đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm về các chi phí thay thế đồng hồ đo nước.

Điều 16. Tạm ngừng cấp nước và ngừng cấp nước

1. Đơn vị cấp nước được tạm ngừng cấp nước trong các trường hợp sau:

a) Để thực hiện hoạt động quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, mạng lưới cấp nước theo kế hoạch hoặc sửa chữa, khắc phục sự cố.

b) Do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác làm các công trình cấp nước phải tạm ngừng hoạt động.

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được pháp luật quy định.

d) Khi khách hàng yêu cầu tạm ngừng dịch vụ cấp nước theo quy định tại Điều 45, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

đ) Các trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc được pháp luật cho phép.

2. Khi tạm ngừng cấp nước để bảo dưỡng, sửa chữa và thực hiện các công việc khác liên quan theo kế hoạch, đơn vị cấp nước phải thông báo trước 3 ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng và thời gian tạm ngừng cấp nước không vượt quá 12 giờ/ngày. Trường hợp có sự cố phải tạm ngừng cấp nước từ 24 giờ trở lên để sửa chữa thì thông báo trực tiếp hoặc qua phương tiện thông tin đại chúng và có phương án cấp nước tạm thời cho các khách hàng cho đến khi khắc phục xong sự cố.

3. Đơn vị cấp nước được ngừng cấp nước trong các trường hợp sau:

a) Khi hợp đồng dịch vụ cấp nước chấm dứt theo quy định.

b) Khi khách hàng sử dụng nước vi phạm hợp đồng dịch vụ cấp nước đã được thông báo về việc ngừng cấp nước theo quy định.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước

1. Đơn vị cấp nước có các quyền sau:

a) Thực hiện các hoạt động cấp nước theo quy định và yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung của thoả thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã ký kết;

b) Được phép không lắp đặt, phát triển mạng cấp nước ở ngoài vùng phục vụ cấp nước đã xác định trong thoả thuận thực hiện dịch vụ cấp nước;

c) Được vào khu vực quản lý của khách hàng để bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế đường ống, đồng hồ đo nước và các thiết bị cấp nước liên quan; kiểm tra đường ống sau đồng hồ và mục đích sử dụng nước của khách hàng;

d) Được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị cấp nước có các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện đấu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước khi đề nghị của khách hàng phù hợp với điều kiện về kỹ thuật và các quy định hiện hành;

b) Đảm bảo chất lượng dịch vụ cấp nước; xử lý kịp thời các sự cố và khắc phục việc cấp nước theo chất lượng dịch vụ cấp nước được quy định;

c) Thông báo hoặc niêm yết công khai các quy định của pháp luật về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các quy định của đơn vị cấp nước tại các địa điểm giao dịch để khách hàng sử dụng nước biết;

d) Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của khách hàng sử dụng nước về các vấn đề liên quan đến cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo quy định của pháp luật;

đ) Bồi thường cho khách hàng sử dụng nước những thiệt hại do lỗi của đơn vị cấp nước gây ra theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng nước

1. Khách hàng sử dụng nước có các quyền sau:

a) Yêu cầu đơn vị cấp nước thiết lập điểm đấu nối, ký hợp đồng dịch vụ cấp nước theo quy định và khiếu nại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu đơn vị cấp nước không thực hiện;

b) Yêu cầu đơn vị cấp nước đảm bảo dịch vụ cấp nước hoặc xử lý kịp thời các sự cố xảy ra để đảm bảo việc cấp nước theo quy định của pháp luật và thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu các văn bản pháp luật về cung cấp và tiêu thụ nước sạch; được cung cấp các thông tin về chất lượng, áp lực cấp nước;

d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị cấp nước gây ra theo quy định của pháp luật.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Khách hàng sử dụng nước có các nghĩa vụ sau:

a) Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đăng ký; khi thay đổi mục đích sử dụng nước, khách hàng thông báo bằng văn bản cho đơn vị cấp nước để tính giá nước phù hợp, nếu không thông báo, đơn vị cấp nước được tính giá nước theo mục đích sử dụng thực tế, thu thêm tiền nước chênh lệch có sự thỏa thuận với khách hàng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin và phối hợp với đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra đường ống sau đồng hồ và các thao tác quản lý khác trong phạm vi quản lý của mình và liên quan;

c) Bảo vệ đường ống, thiết bị cấp nước và đồng hồ đo nước đã được lắp đặt, thông báo ngay cho đơn vị cấp nước về các hư hỏng, mất mát của công trình, đường ống, thiết bị và đồng hồ đo nước để kiểm tra, khắc phục;

d) Không được cho các hộ khác sử dụng nước bằng cách đấu nối vào đường ống dẫn nước sau đồng hồ làm ảnh hưởng đến khả năng đo đếm của đồng hồ, lưu lượng, áp lực cấp nước hoặc ảnh hưởng đến các khách hàng khác;

đ) Bồi thường cho đơn vị cấp nước những thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 19. Phạm vi bảo vệ các công trình cấp nước

Phạm vi bảo vệ các công trình cấp nước được xác định theo chỉ giới cột mốc, biển báo, hàng rào bảo vệ và theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Quy định bảo vệ các công trình cấp nước

Nghiêm cấm các hành vi xâm phạm đến sự an toàn của các công trình cấp nước sau đây:

1. Xây dựng trái phép các loại công trình (kể cả tạm thời) xâm phạm vào phạm vi chỉ giới bảo vệ của các công trình cấp nước.

2. Khoan, đào đất đá, san lấp mặt bằng, đổ đất đá, để vật liệu xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ của các công trình cấp nước.

3. Đập phá, dịch chuyển trái phép tường rào, cột mốc chỉ giới, biển báo của phạm vi bảo vệ của các công trình cấp nước.

4. Đập phá, trộm cắp hoặc làm hư hại các công trình đường ống, thiết bị, mạng lưới cấp nước.

5. Xả thải hoặc đặt nơi chứa nước thải, rác thải, chất độc hại, chất phóng xạ trong phạm vi bảo vệ của công trình khai thác, truyền dẫn nước thô, mạng lưới cấp nước; trong phạm vi bảo vệ và phạm vi 50 m tính từ hàng rào của các nhà máy nước ra phía ngoài; trong phạm vi bảo vệ và phạm vi 15 m tính từ hàng rào của trạm bơm tăng áp, đài nước, bể chứa nước sạch ra phía ngoài.

6. Sinh hoạt cá nhân xả trực tiếp hoặc trồng cây, chăn nuôi trong phạm vi bảo vệ các hồ chứa nước của các nhà máy nước;

7. Điều khiển các loại phương tiện vận tải, máy cơ giới vượt quá tải trọng quy định đi qua công trình truyền dẫn nước thô, các đường ống cấp nước không cố cầu vượt chịu tải trọng đảm bảo kỹ thuật đã được đơn vị cấp nước thông báo hoặc cấm biển báo.

8. Tự ý đóng, mở van các loại trên mạng lưới hệ thống cấp nước mà không được phép của đơn vị cấp nước.

9. Tự ý di chuyển, nâng, hạ, thay thế đường ống cấp nước và các thiết bị phụ trợ trên mạng lưới cấp nước; đục phá, đầu nối vào mạng lưới cấp nước để lấy nước sạch sử dụng.

10. Các hành vi khác xâm phạm đến sự an toàn của các công trình cấp nước.

Điều 21. Xây dựng công trình có ảnh hưởng đến các công trình cấp nước

1. Các tổ chức, cá nhân xây dựng công trình các loại trong phạm vi có các công trình cấp nước hoặc phạm vi bảo vệ của công trình cấp nước phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có đầy đủ các giấy phép liên quan do các cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước trước, trong và sau quá trình thi công công trình.

c) Trước khi thi công phải thông báo cho đơn vị cấp nước biết để theo dõi, giám sát và phối hợp thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước.

d) Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực bảo vệ công trình cấp nước đã bị thay đổi trong quá trình thi công và bồi thường về các thiệt hại xảy ra đối với các công trình cấp nước (nếu có).

2. Đơn vị cấp nước có quyền yêu cầu được tham gia hướng dẫn trong quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho công trình cấp nước của các đơn vị thi công. Các tổ chức, cá nhân xây dựng công trình phải thanh toán chi phí liên quan cho đơn vị cấp nước theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Bảo vệ an toàn nguồn cấp nước, xây dựng đới phòng hộ vệ sinh khu vực lấy nước; bảo vệ, quản lý và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các công trình cấp nước được giao; vận hành, khai thác các công trình cấp nước theo đúng các quy trình, quy phạm và các quy định khác của nhà nước.

2. Phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm về bảo vệ công trình cấp nước, kiến nghị cơ quan chức năng xử phạt hoặc giải quyết theo quy định; phát hiện và kiến nghị cơ quan chức năng yêu cầu di dời, giải tỏa các công trình vi phạm hành lang bảo vệ của các công trình cấp nước.

3. Xây dựng phương án phòng ngừa và khắc phục các sự cố đối với các công trình cấp nước và thực hiện khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra. Trường hợp không

đủ khả năng khắc phục sự cố, đơn vị cấp nước phải thông báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền và đề nghị các cơ quan chức năng hỗ trợ.

4. Đề xuất các biện pháp quản lý các nguồn ô nhiễm và kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp làm ô nhiễm nguồn nước, thông báo tình hình chất lượng nước trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 23. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

1. Chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ công trình cấp nước theo quy định này và các quy định khác của pháp luật; phát hiện, ngăn chặn và tố cáo các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình cấp nước.

2. Thông báo ngay cho đơn vị cấp nước khi phát hiện thấy các sự cố của công trình cấp nước để kiểm tra, khắc phục kịp thời.

3. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị cấp nước thực hiện các hoạt động quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ các công trình cấp nước và khắc phục các sự cố xảy ra.

Chương V QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 24. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn thành phố

1. Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc quản lý chuyên ngành về hoạt động cấp nước đô thị, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì thẩm định các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch cấp nước vùng, đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng về quy hoạch cấp nước vùng, đô thị, khu, cụm công nghiệp.

b) Yêu cầu đơn vị cấp nước báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất và cung cấp nước, chất lượng nước đối với khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

c) Ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với các đơn vị cấp nước trên các địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng; xem xét, thống nhất kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn, kế hoạch cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước theo thẩm quyền.

d) Giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn của các đơn vị cấp nước theo thẩm quyền; quản lý chất lượng xây dựng các công trình cấp nước trên địa bàn thành phố.

đ) Phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các vấn đề về giá nước sạch, đầu tư xây dựng công trình cấp nước và các vấn đề khác liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước nông thôn trên địa bàn thành phố; phối

hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về các nguồn nước phục vụ việc sản xuất nước sạch.

3. Sở Y tế chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra, giám sát về chất lượng nước sạch.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn; hỗ trợ và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước và kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị cấp nước trên địa bàn; Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Chuyển tiếp việc thực hiện theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Các đơn vị cấp nước trên địa bàn thành phố có trách nhiệm soạn thảo và ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong vùng phục vụ; soạn thảo và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch với các khách hàng thay thế toàn bộ các hợp đồng mua bán nước máy trước đây theo lộ trình phù hợp.

Đối với các đơn vị cấp nước đang thu tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ thì thực hiện theo Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Các nội dung khác thực hiện theo Quy định này kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vướng mắc hoặc không phù hợp, các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Đường Anh Điền